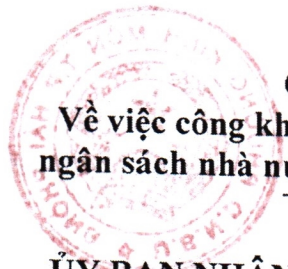


Số: 172/QĐ-UBND

Kinh Môn, ngày 09 tháng 7 năm 2026



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thực hiện dự toán thu – chi
ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KINH MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP: Quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC Quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách
nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND
phường Kinh Môn về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi
ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương;*

*Căn Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND phường
Kinh Môn về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân
sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương;*

*Căn cứ kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 6
tháng năm 2026;*

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 6 tháng
đầu năm năm 2026.

(Chi tiết theo biểu 113, 114, 115 đính kèm).

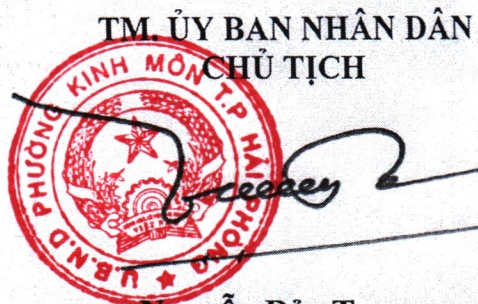
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế,

Hạ tầng và Đô thị phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *Sưu*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy phường;
- TT. HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Các cơ quan, đoàn thể;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường;
- Công Thông tin điện tử phường;
- Lưu VT, KTHĐT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bảo Trung

UBND PHƯỜNG KINH MÔN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG 6 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường Kinh Môn)

Đơn vị tính: Đồng



ST T	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện 6 tháng	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	262.833.000.000	237.297.038.336	90,28
1	Các khoản thu xã hưởng		4.081.322.932	
2	Các khoản thu phân chia theo		106.205.466.966	
3	Thu bổ sung	149.243.000.000	116.162.449.380	77,83
-	Bổ sung cân đối	148.163.000.000	86.429.000.000	58,33
-	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	29.733.449.380	2.753,10
4	Thu chuyển nguồn		9.469.742.685	
	TỔNG SỐ CHI	4.000.000.000	209.351.127.620	5.233,78
1	Chi đầu tư phát triển	4.000.000.000	13.454.524.000	336,36
2	Chi thường xuyên theo lĩnh		78.841.762.855	
3	Dự phòng			
4	Chi chuyển giao ngân sách		116.162.449.380	

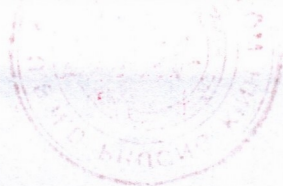


UBND PHƯỜNG KINH MÓN

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 6 THÁNG, NĂM NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường Kinh Môn)

Đơn vị tính: Đồng

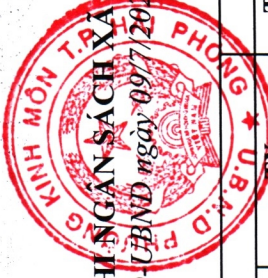
STT	NỘI DUNG	Dự toán		Kết quả thực hiện 6 tháng		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	262.833.000.000	205.221.000.000	237.297.038.336	166.778.973.879	90.28	81.27
I	Các khoản thu hưởng 100%			1.179.108.432	394.697.891		
	Các loại phí, lệ phí	890.000.000	890.000.000	173.427.528	72.891.000	19.49	8.19
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	450.000.000	450.000.000	244.247.250	244.247.250	54.28	54.28
	Thu tiền phạt			711.318.179	37.500.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại			50.115.475	40.059.641		
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %			109.107.681.466	39.374.027.550		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý			7.616.120.084			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			324.562.710			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			8.074.395.291			



STT	NỘI DUNG	Dự toán		Kết quả thực hiện 6 tháng		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	69.190.000.000	37.363.000.000	54.224.395.910	29.271.402.842	78.37	78.34
	Thuế thu nhập cá nhân			12.579.409.814	2.298.852		
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	14.300.000.000	8.723.000.000	8.058.297.818	5.109.088.354	56.35	58.57
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.980.000.000	1.980.000.000	394.671.311	394.671.311	19.93	19.93
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	6.080.000.000	2.432.000.000	6.505.040.928	1.994.783.871	106.99	82.02
	Thu tiền sử dụng đất	20.000.000.000	4.000.000.000	11.001.178.600	2.272.173.320	55.01	56.8
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước						
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước			329.609.000	329.609.000		
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
	Thu Viện trợ						
	Thu chuyển nguồn			9.469.742.685	9.469.742.685		
	Thu kết dư ngân sách			1.378.056.373	1.378.056.373		
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	149.243.000.000	149.243.000.000	116.162.449.380	116.162.449.380	77.83	77.83
1	Bổ sung cân đối	148.163.000.000	148.163.000.000	86.429.000.000	86.429.000.000	58.33	58.33
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	1.080.000.000	29.733.449.380	29.733.449.380	2753.1	2753.1



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 6 THÁNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường Kinh Môn)



Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Kết quả thực hiện			So sánh (%)			
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG	XDCB	TX	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	
	TỔNG CHI	201.197.000.000	4.000.000.000	197.197.000.000	92.224.228.855	13.454.524.000	78.769.704.855	45,84	336,36	39,94	
	<i>Trong đó</i>										
1	Chi giáo dục	92.997.000.000		92.997.000.000	38.438.018.302		38.438.018.302				41,33
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000.000		390.000.000	297.000.000		297.000.000				76,15
3	Chi y tế	3.703.000.000		3.703.000.000	1.631.362.578		1.631.362.578				44,06
4	Chi văn hóa, thông tin	8.232.000.000		8.232.000.000	2.794.965.181	1.921.144.000	873.821.181				10,61
5	Chi phát thanh, truyền thanh	300.000.000		300.000.000	84.061.689		84.061.689				28,02
6	Chi thể dục thể thao	355.000.000		355.000.000	284.002.260		284.002.260				80,00
7	Chi bảo vệ môi trường	1.659.000.000		1.659.000.000	703.268.000		703.268.000				42,39
8	Chi các hoạt động kinh tế	34.146.000.000		34.146.000.000	17.172.933.181	11.533.380.000	5.639.553.181				16,52
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	30.529.000.000		30.529.000.000	17.556.178.442		17.556.178.442				57,51
10	Chi cho công tác xã hội	19.802.000.000		19.802.000.000	10.112.097.657		10.112.097.657				51,07
11	Chi quốc phòng	2.563.000.000		2.563.000.000	2.216.723.574		2.216.723.574				86,49
12	Chi an ninh	1.540.000.000		1.540.000.000	933.617.991		933.617.991				60,62
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật	981.000.000		981.000.000							
B	Các nhiệm vụ chi khác										
C	Dự phòng ngân sách	4.024.000.000		4.024.000.000							

